

BẠCH CƯ DỊ

Tác giả: Nguyễn Hiến Lê



Đánh máy: Goldfish

Chuyển sang dạng PDF: Goldfish

Ngày hoàn thành: 08/05/2012

<http://www.e-thuvien.com>

MỤC LỤC

Vài lời thưa trước	2
A. TIỂU SỬ	4
B. TƯ TƯỞNG	4
C. ĐẶC ĐIỂM CỦA THƠ BẠCH CƯ DỊ	5
D. ÍT BÀI THƠ CỦA BẠCH	6
聞哭者 Văn Khốc Giả	6
秦中吟 Tần Trung Ngâm	7
新豐折臂翁 Tân Phong Chiết Bích Ông	10
望江樓上作 Vọng Giang Lâu Thượng Tác	11
草 Thảo	12
池上 Trì Thượng	13
閒夕 Nhàn Tịch	14
自河南經亂 Tự Hà Nam Kinh Loạn	15
琵琶行 Tì Bà Hành	16
長恨歌 Trường Hận Ca	23
憶江南 Ức Giang Nam	32

Vài lời thưa trước

Trước khi đọc tiết 3: **Bạch Cư Dị** trong chương V: Phái xã hội, phần III: Văn học đời Đường, trong bộ *Đại cương văn học sử Trung Quốc*, mời các bạn cùng tôi đọc qua vài đoạn trích sau đây để chúng ta biết đôi nét khác biệt giữa thi tiên Lý Bạch và thi thánh Đỗ Phủ; và cũng để hiểu tại sao cụ Nguyễn Hiến Lê bảo rằng: “Tôi không muốn như Lý, như Đỗ, chỉ muốn như Bạch Cư Dị”, và “Đỗ Phủ mới chết được 2 năm thì Bạch ra đời (...) để tiếp tục chủ trương của Đỗ”:

“(...) Thơ Thịnh Đường phát triển một cách kinh dị về lượng và phẩm. Trên từ Hoàng Đế, Công chúa, dưới tới nông phu, ca nhi, ai cũng thích thơ và trọng thi sĩ.

Có đủ các thiên tài, đủ các khuynh hướng; lấy đại cương mà xét thì có 4 phái:

phái xã hội
phái biên tái
phái tự nhiên
phái quái đản.

Đứng trên các phái đó là Lý Bạch (701-762), một thiên tài tuyệt cao, theo tư tưởng Lão, Phật, sống rất lãng mạn, chỉ thích thơ, rượu, ngao du và mỹ nhân.

Tâm hồn Lý thanh khiết, không hề xu phụ nhà quyền quý, rất tự do phóng khoáng, nên thơ ông phiêu dật, không chịu bó buộc theo luật, lời luôn luôn theo hứng mà ý thì kỳ dị, tình thì man mác. Cơ hồ hễ say rượu rồi, hạ bút thành giai phẩm.

Bất chước ông thì không được nhưng thỉnh thoảng ngâm thơ ông, ta cũng thấy tâm hồn nhẹ nhàn, thanh cao thêm đôi chút”. (Trang 340).

“(...) Thời Thịnh Đường chia làm 2 thời kỳ rất khác nhau, tiền bán thế kỷ thứ 8 là lời thịnh trị, hậu bán là thời loạn ly. Năm 754, An Lộc Sơn nổi loạn, tiếng chiêng tiếng trống ở Ngự Dương làm tan tác khúc Nghê Thường vũ y của Dương Quý Phi và xã hội Trung Quốc trở nên hắc ám: đâu đâu cũng là bãi chiến trường, những cảnh cướp bóc, ly tán, đói rét, giết chóc diễn ra hàng ngày; điều hâu rĩa ruột người, chính người cũng mổ thịt người, xương chiến sĩ chất đầy đồng không ai chôn, mẹ bỏ con trong bụi rậm không ai lượm.

Trước tình cảnh ấy, một số thi nhân có tâm huyết không khỏi thống hận, bỏ cái giọng ca tung thời thái bình làm vui tai nhà cầm quyền mà dùng cây bút để tả nỗi thống khổ của mình và của đồng bào; họ ly khai với chủ nghĩa lãng mạn mà lựa con đường tả chân, lấy trạng thái xã hội hiện tại làm đề tài cho văn học.

Họ thuộc phái xã hội mà những người nổi danh nhất là Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị, Nguyên Chấn, Lưu Vũ Tích, Trương Tịch”. (Trang 341)

“(...) Đỗ là bạn thân của Lý, cả hai đều được người đương thời và hậu thế là mình tình rục rờ nhất trên thi đàn đời Thịnh Đường, Lý là Thi tiên, Đỗ là Thi thánh, mặc dầu tính tình và sự nghiệp khác nhau rất xa.

Lý lãng mạn, Đỗ thực tế; Lý theo Phật, Lão, Đỗ thờ Khổng, Mạnh; Lý muốn ẩn dật trong cảnh núi xanh, mây trắng. Đỗ lăn lóc giữ đời cùng khổ, trầm luân. Lý kiêu ngạo nhìn đời:

Xử thế nhược đại mộng,
Hô vi lao kỳ sinh?¹
Đỗ nhiệt tâm cứu quốc:
Cùng niên ưu lê nguyên,
Thán tức trường nội nhiệt!

¹ Trần Trọng Kim dịch: “Ở đời tựa giấc chiêm bao. Làm chi mà phải lao đao nhọc mình”. (Goldfish).

窮年憂黎元

歎息腸內熱

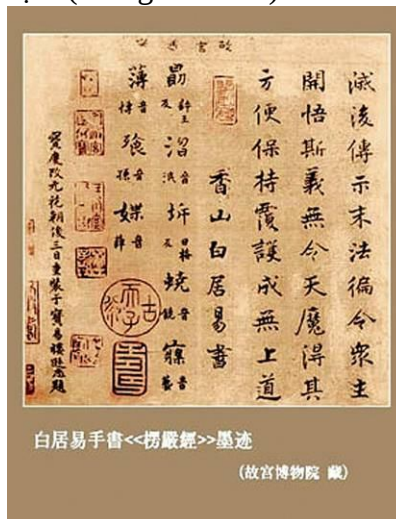
Suốt năm lo dân đen,
Than thở ruột sôi nóng!

Lý say sưa trong tháp ngà, theo chủ nghĩa hưởng lạc, Đỗ rên rỉ trên thập ác, hầu cứu sinh linh; Lý tả cái ảo tưởng của chính mình, Đỗ tả cái chân tướng của xã hội; tài của Lý do thiên tư nhiều, tài của Đỗ do kinh nghiệm nhiều; khi nhậu say hứng tới, Lý múa bút tới đâu thì gấm, hoa hiện tới đó; khi nhìn cảnh đau lòng, Đỗ hạ bút chữ nào thì nước mắt theo chữ ấy; đọc thơ Lý ta muốn phiêu diêu lên tiên thì đọc thơ Đỗ, ta muốn sụt sùi, nhăn mặt.

Lý hay hơn Đỗ hay Đỗ hay hơn Lý? Ta không thể quyết đoán được. Cả hai đều là kỳ hoa, đều là quốc sắc thiên hương, mỗi người một vẻ.

Nhưng có điều này ai cũng nhận là thơ của Lý có người “kính nhi viễn chi”, còn thơ của Đỗ ai cũng “kính nhi ái chi”. Lý còn có kẻ chê là đôi phé, Đỗ thì thời nào cũng khâm phục.

Tuy nhiên, nếu tôi là thi sĩ, tôi chẳng mong được thành thi tiên hay thi thánh, chỉ xin một chức Thi sử như Bạch Cư Dị”. (Trang 374-376).



Thủ bút của Bạch Cư Dị

(<http://www.ctgpc.com.cn/news/imgs/005/11037.jpg>)

Điều thứ hai tôi muốn thưa cùng các bạn là hầu hết các bài thơ tiêu biểu của Bạch Cư Dị đều được Vanachi tuyển đăng trên Website Thi viện (<http://www.thivien.net/viewauthor.php?ID=9>), nhờ vậy tôi chỉ việc tìm bài tương ứng trong sách để chép lại phần nguyên văn, phiên âm và có khi cả phần dịch thơ nữa; có bài tôi lại chép từ loạt bài “*Thơ Đường và các bản dịch thơ Đường của Tân Đà*” do Tdcchau thực hiện và đăng trên Thư viện Ebook (bắt đầu từ trang <http://www.thuvien-ebook.com/forums/showthread.php?t=27121&page=7>, post # 69), rồi sửa lại đôi chút cho phù hợp. Xin chân thành cảm Vanachi, Tducchau và xin trân trọng giới thiệu cùng các bạn.

Goldfish

Những ngày cận Tết Mậu Dần

Bổ sung tháng 12 năm 2011

BẠCH CƯ DỊ 白居易

(772-846)

A. TIỂU SỬ

Mây trắng núi xanh tuy đẹp thật, song độc toạ mà ngắm thì cũng buồn, cười hạc ngồi bên đào nguyên, thú thì có thú, song ngày trên tiên dài quá; còn suốt đời vác cái thành giá như Đỗ Phủ, con vì đói quá mà chết, chính thân mình cũng vì đói mà là, thì cảnh ấy ai mà cầu!

Vâng, tôi không muốn như Lý, như Đỗ, chỉ muốn như Bạch Cư Dị.

Trong bài tựa tập thơ của Mai Thánh Du, Âu Dương Tu viết: “cùng nhi hậu công”, nghĩa là thi nhân có khốn cùng rồi thơ mới hay. Nào phải luôn luôn như vậy? Đào Tiềm nghèo chứ không cùng mà thơ cũng rất hay. Bạch Cư Dị, Tuỳ Viên (ở đời Thanh) đều phú quý mà cũng đều là thi hào. Tác giả của bộ *Thúy Kiều*, *Hoa Tiên*, đâu có khốn đốn? Victor Hugo, Lamartine kém ai về sang giàu?

Nhiều thi sĩ quá tin Âu Dương Tu, tự dung mua lấy cái khổ hoặc làm bộ ra khổ để mong tài nghệ được phát huy. Họ điên, sao không đọc tiểu sử của Bạch Cư Dị.

Đỗ Phủ mới chết được 2 năm thì Bạch ra đời (Thời Thịnh Đường sao mà nhiều anh tài thế?) để tiếp tục chủ trương của Đỗ.

Bạch tự là *Lạc Thiên* 樂天, sung sướng suốt một đời. Sinh vào nhà nghèo nhưng được yên ổn học tập. Ông kể rằng hồi 6-7 tháng, chưa biết nói mà ông đã biết mặt hai chữ *chi* 之 và *vô* 無; lên 5 tuổi bắt đầu học làm thơ. Thông minh như vậy mà lại rất siêng, ngày đêm tụng thi thư tới nỗi “miệng lưỡi hoá ghê” (口舌成疥)² (!); 27 tuổi đậu tiến sĩ, nhận chức Hàn lâm học sĩ.

Khi Nguyên Chấn, bạn thơ của ông bị biếm, ông dưng sớ can vua mà không được. Vì có tánh trực ngôn, hay vạch lỗi kẻ khác, nên bị nhiều người ghét. Thân mẫu của ông cũng bị thảm họa, té xuống giếng chết. Trong lúc còn tang, ông làm một bài thơ “Thường hoa”. Kẻ thù của ông nắm được cơ hội ấy, ton hót với vua Hiến Tông là đường đường ông là một vị chức trọng quyền cao mà bất hiếu, làm tổn thương danh giáo. Do đó ông bị biếm làm tư mã đất Giang Châu. Sau ông giữ chức thứ sử ở Tô Châu, Hàng Châu, về già được thăng Hình bộ thượng thư.

Ông theo cả ba đạo Khổng, Lão, Phật, lúc hưu trí thường cùng với vài vị hoà thượng mặc áo trắng, chống gậy trúc du ngoạn Hương Sơn, nên có tên hiệu là *Hương Sơn cư sĩ* 香山居士.

Ngay từ hồi làm quan, ông cũng đã ưa thú thanh nhàn, phong lưu, cất một ngôi nhà đọc sách ở Lạc Dương, có hoa có trúc, có đá có hồ, nuôi một thị nữ trẻ, đẹp, vừa múa khéo vừa ca hay. Đời ông như vậy đâu phải là “cùng” mà sao thơ ông vẫn “công”? Ông để lại cho đời một tập thơ 71 quyển.

B. TƯ TƯỞNG

Ông vốn yêu đời, muốn ai cũng được sung sướng như mình, nên hoài bão chí hướng cứu thế, bảo văn thơ không phải để đùa giỡn với hoa cỏ, gió mây mà phải có mục đích *phụng sự nhân sinh*.

Ông ví thơ với một cây:

² “Khẩu thiệt thành giới”. (Goldfish).

“Thơ gốc nó là tình, ngọn nó là lời, hoa nó là tiếng, trái nó là nghĩa”.

Ông ghét nhất là những câu lời thì đẹp mà ý thì rỗng. Ông bảo hai câu sau này đẹp thì đẹp thật nhưng vô nghĩa:

餘霞散成綺

澄江靜如練

Dư hà tán thành ý
Trường giang tĩnh như luyện.
Ráng chiều tan thành gấm,
Sóng trong sạch như lụa.

Theo ông muốn cho có nghĩa, thì văn *“phải hợp với thời mà viết, hợp với việc mà làm”*.

Chủ trương của ông là *“không cầu cung luật cho cao, văn tự cho kỳ, mà chỉ cầu ca vịnh nỗi đau của dân sinh để nhà vua biết”*, vì:

“Tai nhà vua tự nó không đủ sáng, phải hợp hết các tai trong thiên hạ mà nghe rồi mới sáng được; mắt nhà vua tự nó không đủ tỏ, phải hợp hết các mắt trong thiên hạ mà nhìn rồi mới tỏ được; lòng nhà vua tự nó không thông suốt, phải hợp hết các lòng trong thiên hạ mà nghĩ rồi mới thông suốt được”.

Và nhiệm vụ của thi sĩ là:

“dùng thơ để xét và giúp chính trị đương thời cùng tiết đạo nhân tình”.

Tóm lại, phải:

“Vì vua, vì quan, vì vật, vì việc mà làm, chứ không thể vì văn mà làm được”.

Quan niệm đó rõ ràng là vị nhân sinh, không vị nghệ thuật. Nhà văn phải là mối liên lạc giữa nhà cầm quyền và quốc dân.

Phê bình văn thơ đương thời ông viết:

“...Đời khen là bậc nhất thì có Lý, Đỗ. Họ tài thật, không ai bì kịp... Thơ của Đỗ rất nhiều, còn truyền lại trên 1000 bài, quán xuyên cổ kim, tận xảo, tận mỹ còn hơn Lý, song lựa được những câu như:

Chu môn tửu nhục xú

Lộ hữu đồng tử cốt³.

thì bất quá chỉ được 13-14 câu. Đỗ mà còn vậy, huống hồ là những kẻ không bằng Đỗ”.

Ông chê cả thơ của chính mình nữa:

“Thơ của tôi mà được người ta thích, chẳng qua chỉ là những bài luật thi và bài Trường hận ca. Cái người ta trọng là cái mà tôi khinh”?

Ông tự hào nhất là về những bài bình dị, có ý khuyên răn đời hoặc có tính cách xã hội.

C. ĐẶC ĐIỂM CỦA THƠ BẠCH CƯ DỊ

Ông rất thích dân ca, muốn lập lại chế độ lượm ca dao ở đời Chu để nhà cầm quyền được biết rõ đời sống cùng tính tình, phong tục của dân. Già nửa thơ ông cũng gần như dân ca, dùng toàn bạch thoại.

Tương truyền mỗi khi ông làm xong một bài, đọc cho người vú già nghe rồi hỏi: *“Hiệu không?”*. Nếu người vú đáp *“Hiệu”* thì ông mới chép lại. Nhờ vậy mà thơ ông, hạng bình dân thuộc rất nhiều.

Ít có thi sĩ nào tự hào như ông khi viết những hàng sau này cho bạn thân là Nguyên Chấn:

³ Có người dịch là “Cửa son rượu thịt ôi, Ngoài đường đầy xác chết”. (Goldfish).

“Từ Trường Giang đến Giang Tây, 3-4 ngàn dặm, phàm tới các trường làng, chùa Phật, quán trọ hoặc ở trong thuyền, đâu đâu tôi cũng nghe đủ các hạng người ngâm thơ của tôi, từ kẻ sĩ đến nhà tu hành, từ đàn bà goá đến gái tơ”.

Các bạn thi sĩ nghĩ sao? Tôi nghĩ nếu có bị chê là “nôm na” mà được như vậy cũng thú lắm chứ! Và vong linh Bạch Lạc Thiên lúc này chắc cũng đang mỉm cười vì các học giả Trung Quốc như Hồ Thích, Lỗ Tấn... cực lực tán dương Bạch, cho ông có nhãn quan rất sáng, có đại đóm hơn người, dám dùng bạch thoại để làm thơ.

D. ÍT BÀI THƠ CỦA BẠCH

Thơ của Bạch chia làm 2 loại:

- Loại **bình dị có tính cách xã hội** như những bài *Văn khốc giả*, *Tân trung ngâm*. Về loại này, ông chịu nhiều ảnh hưởng của Đỗ Phủ. Ông cũng như Tolstoi, ở trong cảnh cao sang mà than thở cho người khổ, còn Đỗ Phủ như Dostoievsky, lẫn lộn với bọn cùng dân, rồi tả nỗi lòng của họ. Nghe vắng có tiếng vợ khóc chồng, ông viết:

聞哭者

昨日南隣哭
哭聲一何苦
問是妻哭夫
夫年二十五
今朝北里哭
哭聲又何切
問是母哭兒
兒年十七八
四隣尚如此
天下多夭折
乃知浮世人
少得垂白發
余今過四十
念彼聊自悅
從此明鏡中
不嫌頭似雪

Văn khốc giả

Tạc nhật Nam lân khốc,
Khốc thanh nhất hà khổ!
Vân thị thê khốc phu,
Phu niên nhị thập ngũ.

Kim triêu Bắc lý khốc,
Khốc thanh hựu hà thiết!
Vân thị mẫu khốc nhi,

Nhi niên thập thất bát.
Tứ lân thượng như thử,
Thiên hạ đa yếu chiết,
Nãi tri phù thể nhân,
Thiếu đắc thù bạch phát!
Dư kim quá tứ thập,
Niệm bỉ liêu tự duyệt,
Tùng thử minh kính trung,
Bất hiềm đầu tự tuyết.

Nghe người khóc

Mới hôm nọ xóm Nam người khóc,
Tiếng khóc sao đau độc nổi lòng!
Rằng: Đâu là vợ khóc chồng,
Chồng hai năm tuổi khuất vòng nhân gian.
Sớm nay lại khóc than xóm Bắc,
Tiếng khóc sao ruột thắt từng cơn!
Rằng: Đâu là mẹ khóc con,
Con mười bảy, tám chết còn tuổi xanh!
Bốn hàng xóm chung quanh như thế,
Khắp thế gian chết trẻ còn nhiều,
Mới hay người thế bao nhiêu,
Trắng phơ mái tóc dễ nào mấy ai?
Ta nay tuổi có ngoài bốn chục,
Nghĩ ai kia, thôi cũng vui lòng,
Từ nay trông bức gương trong,
Đầu ta ngõ tuyết, ta không quản gì.

(Tản Đà dịch)

Trong bài đó ông còn nghĩ tới ông nhiều, đến khúc *Tần trung ngâm* mới thực là ông thiết tha thương hại kẻ khổ rồi mạnh bạo bênh vực họ:

秦中吟

輕肥
意氣驕滿路
鞍馬光照塵
借問何爲者
人稱是內臣
朱紱皆大夫
紫綬或將軍
誇赴軍中宴

走馬去如雲
尊疊溢九鼎
水陸羅八珍
果擘洞庭橘
鱠切天池鱗
食飽心自若
酒酣氣益振
是歲江南旱
衢州人食人

Tàn trung ngâm

Khinh, phì,
Ý khí kiêu mãn lộ,
An mã quang chiếu trần.
Tá vấn hà vi giả?
Nhân xưng thị nội thân.
Chu phát⁴ giai đại phu,
Tử thụ hoặc tướng quân.
Khoa phó quân trung yển,
Tẩu mã khứ như vân.
Tôn lôi dật cửu đỉnh,
Thủy lục la bát trần!
Quả phách Động Đình quất,
Khoái thiết Thiên Trì lân.
Thực bảo tâm tự nhược,
Tửu hàm khí ích chân.
Thị tuế Giang Nam hạn,
Cồ Châu nhân thực nhân.

Khúc ngâm trong đất Tần⁵

Nhẹ, béo⁶

Đầy đường dáng bộ con cung,
Ngựa yên bóng nhoáng, sáng trưng bụi hồng.
Hỏi: làm chi đó những ông?
Người ta rằng: Những quan trong đó mà.
Giải điều điều đại phu ta,
Mà đeo giải tía, hoặc là tướng quân.

⁴ Phát 緋 : các bản chữ Hán trên mạng chép là: 紵 (phát). (Goldfish).

⁵ Đất Tần, tức là Trường An, kinh đô nhà Đường ở đó. Tàn trung ngâm có 10 bài đều tả những sự tai nghe mắt thấy ở kinh đô. Bài này là khúc thứ 7, so cảnh phú quý của bọn quan liêu với cảnh chết đói của cùng dân. Bạch Cư Dị được tiếng là thi sử (chép sử bằng thơ) chính nhờ những bài này.

⁶ Khinh do chữ khinh cừ (áo cừ nhẹ), phì do chữ phì mã (ngựa mập). Người giàu bận áo cừ nhẹ và cười ngựa mập.

*Khuênh khoang đi chén trong quân,
Rộn ràng vó ngựa chạy vùn như mây.*

*Vò, ang, chín thứ rượu đây,
Hải sơn tám bát cỗ bày linh tinh.
Quả dâng, quít hái Động Đình,
Cá Thiên Trì thái, đơm thành gỏi ngon.*

*Ăn no khoan khoái tâm hồn,
Rượu say ý khí hùng hồn càng thêm.
Năm nay hạn hán Giang Nam,
Cò Châu người mổ người làm thức ăn.*

(Tản Đà dịch)

Trong khúc thứ 2 có những câu:

昨日輸殘稅

因窺官庫門

繒帛如山積

絲絮似雲屯

...

奪我身上暖

買爾眼前恩

進入瓊林庫

歲久化為塵

Tạc nhật thâu tàn thuế,
Nhân khuy quan khổ môn:
Tặng bạch như sơn tích,
Ti như tự vân đồn.

...

Đoạt ngã thân thượng noãn,
Mãi nhĩ nhãn tiền ân.
Tiền nhập Quỳnh Lâm khố,
Tuế cửu hoá vi trần.

*Hôm qua nộp thuế thiếu,
Nhân ngó qua cửa kho,
Như núi, chồi và lụa,
Như mây, bông với tơ.*

...

*Lột áo, bắt ta lạnh,
Để mua ân cho người,
Vào kho lâu thành bụi,
Chứa đó để nhìn chơi.*

Khúc thứ 3 cũng có giọng oán giận đó:

廚有臭敗肉

庫有貫朽錢

...

豈無窮賤者

忍不救飢寒

Trù hữu xú bại nhục,
Khố hữu quán hủ tiền.

...

Khởi vô cùng tiện giả,
Nhẫn bất cứu cơ hàn?

*Bếp có thịt thiu thối,
Tiền mục trong kho tối,*

...

Thiếu gì kẻ cùng khổ
Nỡ nào chẳng cứu họ?

Khúc thứ 9 còn lâm ly hơn; sau khi tả cái vui no lòng ấm cật của bọn phú quý, ông kết:

豈知閹鄉獄

中有凍死囚

Khởi tri Văn Hương⁷ ngục,
Trung hữu đông tử tù!

*Biết chẳng trong ngục Văn,
Có kẻ tù chết cóng!*

Bài nhạc phủ *Tân Phong chiết bích* ông⁸ làm ta nhớ tới bài *Thạch hào lại* của Đỗ Phủ:

新豐折臂翁

是時翁年二十四

兵部牒中有名字

夜深不敢使人知

偷將大石槌折臂

張弓簸旗俱不堪

從茲始免征雲南

Tân Phong chiết bích ông

Thị thời ông niên nhị thập tứ,
Binh bộ điệp trung hữu danh tự.
Dạ thâm bất cảm sử nhân tri,
Du⁹ tương đại thạch chuỳ chiết bích.
Trương cung bả¹⁰ kỳ câu bất kham,
Tòng tư thủy miễn chinh Vân Nam.

⁷ Tên đất.

⁸ Bích: chữ 臂, *Thiền Chửu* phiên âm là “tí”. (Goldfish).

⁹ Du: chữ 偷, *Thiền Chửu* phiên âm là “thâu”. (Goldfish).

¹⁰ Chữ 簸 (bả) này tôi chép theo các bản trên mạng, còn chữ trong sách tôi tìm không ra. (Goldfish).

Ông lão gãy tay ở Tân Phong

Hồi đó ông hăm bốn tuổi,
Trát kêu bắt lính, người cho hay,
Lén lút ra vườn trong đêm tối,
Lấy đá đập gãy một cánh tay.
Dương cung phát cò đều chẳng nổi,
Miễn dịch Vân Nam đến ngày nay.

Những bài đó đều làm hồi ông còn rất trẻ; ngoài 40 tuổi trở đi, lòng hăng hái, phần uất của ông có hơi kém. Gặp lúc rối beng, ông cũng buồn cho thời thế, nhưng như có ý chán nản, muốn lánh đời. Tâm tư của Hương Sơn cư sĩ bận áo trắng, chống gậy trúc, cùng với các vị hoà thượng ngao du ngoạn cảnh chùa chiền, đã thấy hiện trong bài thơ dưới đây:

望江樓上作

江畔百尺樓
樓前千里道
憑高望平遠
亦足舒懷抱
驛路使僅僅
關防兵草草
及茲多事日
尤覺閒人好
我年過不惑
退休誠非早
從此拂塵衣
歸山未爲老

Vọng giang lâu thượng tác

Giang畔百尺樓,
Lầu tiền thiên lý đạo.
Bằng cao vọng bình viễn,
Diệp túc thư hoài bảo.
Dịch lộ sứ đồng đồng¹¹,
Quan phòng binh thảo thảo.
Cập tư đa sự nhật,
Vưu giác nhàn nhân hảo.
Ngã niên quá bất hoặc,
Thoái hưu thành phi tảo.
Tòng thủ phát trần y,

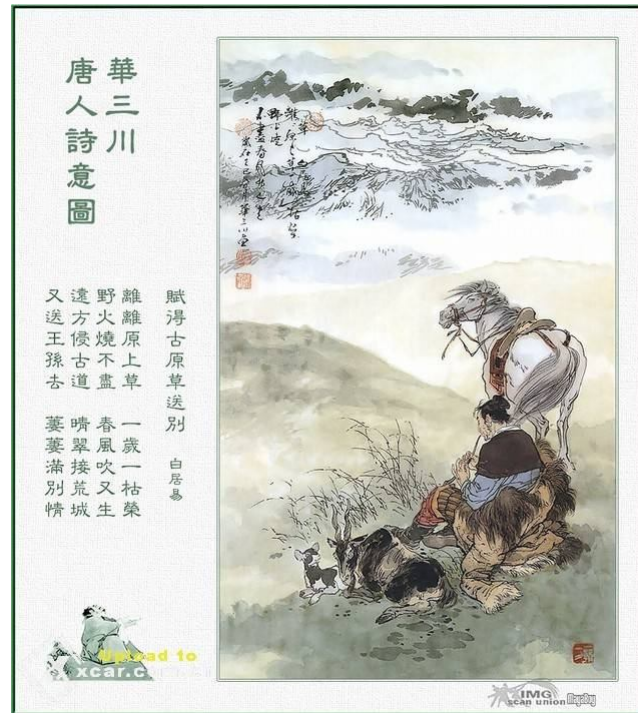
¹¹ Đồng đồng: nguyên văn là 僮僮, các bản trên mạng chép là: 惺惺 (Thiền Chửu đọc là: sung sung). (Goldfish).

Qui sơn vị vi lão.

Trên lầu trông ra sông

*Bờ sông trăm thước lầu cao,
Trước lầu nghìn dặm đi đâu con đường?
Tựa cao trông xuống dặm trường,
Mà trong bụng nghĩ như nương khoan thư.
Đường quan rộn kẻ đưa thư,
Quân gia láo nháo ngăn ngợ canh phòng.
Cuộc đời gặp lúc rối tung,
Riêng ai ở cảnh thông dong càng mầu.
Đã hơn bốn chục tuổi đầu,
Từ nay về nghỉ ngõ hầu phải thôi.
Từ nay rũ áo trần ai.
Non xanh tìm thú vui chơi chữa già...*

(Tản Đà dịch)



(<http://bbsimg.house.focus.cn/upload/photos/2742/C3TMBffG.jpg>)

- Loại thứ nhì trong thơ Bạch Cư Dị là loại **tươi đẹp** mà các văn sĩ đương thời rất ưa. Bóng bầy mà ý nghĩa như bài *Thảo*:

草

离离原上草
一歲一枯榮
野火燒不盡
春風吹又生
遠芳侵古道
晴翠接荒城

又送王孫去

萋萋滿別情

Thảo

Ly ly nguyên thượng thảo,
Nhất tuế nhất khô vinh.
Dã hoả thiêu bất tận,
Xuân phong xuy hựu sinh.

Viễn phương xâm cổ đạo,
Tinh thúy tiếp hoang thành.
Hựu tống vương Tôn khứ,
Thê thê mẫn biệt tình.

Cổ

*Đồng cao cỏ mọc như chen,
Khô tươi thay đổi hai phen năm tròn.
Lửa đồng thiêu cháy vẫn còn;
Gió xuân thổi tới mầm non lại trời.*

*Xa xa thorn ngát dặm dài,
Thành hoang làng biếc khi trời tạnh mưa.
Vương tôn đi lại tiễn đưa,
Biết bao tình biệt đầm đìa lướt theo.*

(Tản Đà dịch)

Diễm lệ, thanh tân như bài:

池上

小娃撐小艇

偷採白蓮回

不解藏蹤跡

芙蓉一道開

Trì thượng

Tiểu oa sanh tiểu đỉnh,
Thâu thái bạch liên hồi.
Bất giải tàng tung tích,
Phù bình nhất đạo khai.

Trên ao

*Người xinh bơi chiếc thúng xinh,
Bông sen trắng nõn trắng tinh thó về.
Hớ hênh dấu vết không che,
Trên ao để một luồng chia mặt bèo.*

(Tản Đà dịch)

Có giọng Đào Tiềm như bài sau:

聞夕

一聲早蟬歇
數點青螢度
蘭缸耿無煙
筠簟清有露

未歸房後寢
且下前軒步
斜月入低廊
涼風滿高樹
放懷常自適
遇景多成趣
何法使之然
心中無細物

Nhàn tịch

Nhất thanh tảo thiên yết,
Sổ điểm thanh huỳnh độ,
Lan cang cảnh vô yên,
Quân điểm thanh hữu lộ.

Vị quy phòng hậu tâm,
Thả hạ tiền hiên bộ,
Tà nguyệt nhập đề lang,
Lương phong mãn cao thụ.

Phóng hoài thường tự thích,
Ngộ cảnh đa thành thú,
Hà pháp sử chi nhiên,
Tâm trung vô tế vật.

Đêm nhàn

Tiếng ve kêu sớm đã im,
Mấy con đom đóm ban đêm lượn vòng.
Đèn lan không khói sáng trong,
Chiếu tre mát lạnh như đồng bám sương.

Ham chơi chưa vội về buồng,
Trước hiên dạo bước đêm sương một mình.
Quanh hè bóng nguyệt chênh chênh,
Gió hây hây mát trên cành cây cao.

Phóng hoài riêng thú tiêu dao,
Người vui khi gặp cảnh nào cũng vui.
Phép gì được thế, ai ơi,
Vì lòng không vướng chuyện đời nhỏ nhen.
(Trần Trọng Kim dịch)

Thơ luật của ông cũng có nhiều bài rất hay, giọng lâm ly như:

自河南經亂

時難年荒世業空

弟兄羈旅各西東

田園寥落干戈後

骨肉流離道路中

弔影分爲千里雁

辭根散作九秋蓬

共看明月應垂淚

一夜鄉心五處同

Tự Hà Nam kinh loạn...

Thời nạn niên hoang thế nghiệp không,
Đệ huynh cơ lữ các tây đông.
Điền viên liêu lạc can qua hậu,
Cốt nhục lưu ly đạo lộ trung.
Điếu ảnh phân vi thiên lý nhận,
Từ căn tan tác cửu thu bông.
Cộng khan minh nguyệt ưng thủy lệ,
Nhất dạ hương tâm ngũ xứ đồng.

Từ Hà Nam gặp loạn...

Đói kém gian nan nghiệp cũ không,
Anh em phiêu bạt khắp tây đông.
Ruộng vườn hoang phế con binh lửa,
Cốt nhục lưu ly chỗ bãi đồng.
Ngàn dặm chia lìa thương bóng nhận,
Ba thu tan tác xót cây bông.
Coi trăng ai chẳng nên rơi lệ,
Một tối đồng quê năm chỗ cùng¹².

(Vô danh dịch¹³)

Song *Tì bà hành* và *Trường hận ca* là những bài được truyền tụng nhất của Bạch Cư Dị, ảnh hưởng đến văn học Việt Nam rất nhiều.

Bài *Trường hận ca* hay hơn bài *Tì bà hành*. Cả hai đều được dịch ra Việt văn. *Tì bà hành* có hai bản dịch: một của Phan Huy Vịnh (coi trong cuốn “*Việt Nam thi văn hợp tuyển*” của Dương Quảng Hàm), một của Trần Trọng Kim (trong cuốn “*Đường Thi*”), còn *Trường hận ca* thì có 4 bản dịch, một của Tản Đà (trong cuốn *Tản Đà văn văn toàn tập*), một của Vũ Đình Liên (trong *Thanh Nghị*, số 6), và hai của Vũ Văn Khoa (Trần Văn Giáp sao lục và đăng trong *Thanh Nghị*, số 18, 19). Chúng tôi xin chép lại dưới đây những bản dịch khác giữ đúng thể thơ của tác giả mà chưa hề in trên báo, sách, để độc giả so sánh.

¹² Ý nói: 5 anh em mỗi người một nơi, ai cũng khóc như nhau.

¹³ “Vô danh” ở đây và các bài sau là cụ Phương Sơn. (Goldfish).



(http://www.chinapoesy.com/UploadFiles/20080417_c9f7495d-660e-4b51-850a-62d6773bf04f.JPG)

琵琶行

潯陽江頭夜送客
 楓葉荻花秋瑟瑟
 主人下馬客在船
 舉酒欲飲無管弦
 醉不成歡慘將別
 別時茫茫江浸月
 忽聞水上琵琶聲
 主人忘歸客不發
 尋聲暗問彈者誰
 琵琶聲停欲語遲
 移船相近邀相見
 添酒回燈重開宴
 千呼萬喚始出來
 猶抱琵琶半遮面
 轉軸撥弦三兩聲
 未成曲調先有情
 弦弦掩抑聲聲思
 似訴生平不得志
 低眉信手續續彈
 說盡心中無限事
 輕攏慢撚抹復挑
 初爲霓裳後六么
 大弦嘈嘈如急雨

小弦切切如私語
嘈嘈切切錯雜彈
大珠小珠落玉盤
閒關鶯語花底滑
幽咽泉流水下灘
水泉冷澀弦凝絕
凝絕不通聲暫歇
別有幽愁暗恨生
此時無聲勝有聲
銀瓶乍破水漿迸
鐵騎突出刀鎗鳴
曲終抽撥當心畫
四弦一聲如裂帛
東船西舫悄無言
惟見江心秋月白
沈吟放撥插弦中
整頓衣裳起斂容
自言本是京城女
家在蝦蟆陵下住
十三學得琵琶成
名屬教坊第一部
曲罷常教善才服
妝成每被秋娘妒
五陵年少爭纏頭
一曲紅綃不知數
鈿頭銀篦擊節碎
血色羅裙翻酒污
今年歡笑復來年
秋月春風等閒度
弟走從軍阿姨死
暮去朝來顏色故
門前冷落車馬稀
老大嫁作商人婦

商人重利輕別離
前月浮梁買茶去
去來江口守空船
繞船明月江水寒
夜來忽夢少年事
夢啼妝淚紅闌干
我聞琵琶已歎息
又聞此語重唧唧
同是天涯淪落人
相逢何必曾相識
我從去年辭帝京
謫居臥病潯陽城
潯陽地僻無音樂
終歲不聞絲竹聲
住近湓池地底濕
黃蘆苦竹繞宅生
其間旦暮聞何物
杜鵑啼血猿哀鳴
春江花朝秋月夜
往往取酒還獨傾
豈無山歌與村笛
嘔啞啁哳難爲聽
今夜聞君琵琶語
如聽仙樂耳暫明
莫辭更坐彈一曲
爲君翻作琵琶行
感我此言良久立
卻坐促弦弦轉急
淒淒不似向前聲
滿座聞之皆掩泣
就中泣下誰最多
江州司馬青衫濕

Tỳ bà hành

Tầm Dương giang đầu dạ tổng khách,
Phong diệp địch hoa thu sắt sắt.
Chủ nhân hạ mã khách tại thuyền,
Cử tửu dục ẩm, vô quản huyền.
Tuý bất thành hoan thâm tương biệt,
Biệt thời mang mang giang tâm nguyệt.
Hốt văn thủy thượng tỳ bà thanh,
Chủ nhân vong quy khách bất phát.
Tầm thanh âm vân đàn giả thủy?
Tỳ bà thanh đình dục ngữ trì.
Di thuyền tương cận yêu tương kiến,
Thiên tửu hồi đẳng trùng khai yển.
Thiên hô vạn hoán thủy xuất lai,
Do bão tỳ bà bán già diện,
Chuyển trục bát huyền tam lưỡng thanh.
Vị thành khúc điệu tiên hữu tình,
Huyền huyền yểm ức thanh thanh tứ,
Tự tố bình sinh bất đắc chí.
Đê my tín thủ tục tục đàn,
Thuyết tận tâm trung vô hạn sự.
Khinh lung mạn niễn mặt phục khiêu,
Sơ vi Nghê thường, hậu Lục yêu.
Đại huyền tào tào như cấp vũ,
Tiểu huyền thiết thiết như tư ngữ.
Tào tào, thiết thiết thác tạp đàn,
Đại châu, tiểu châu lạc ngọc bàn.
Gian quan oanh ngữ hoa để hoạt,
U yết tuyền lưu thủy hạ than.
Thủy tuyền lãnh sáp huyền ngưng tuyết,
Ngưng tuyết bất thông thanh tạm yết.
Biệt hữu u sâu ám hận sinh,
Thử thời vô thanh thắng hữu thanh.
Ngân bình sạ phá thủy tương bính,
Thiết kỵ đột xuất đao thương minh.
Khúc chung trừu bát đương tâm hoạch,
Tứ huyền nhất thanh như liệt bạch.
Đông thuyền tây phảng tiếu vô ngôn,
Duy kiến giang tâm thu nguyệt bạch,
Trâm ngâm phóng bát sáp huyền trung.
Chỉnh đồn y thường khởi liễm dung,
Tự ngôn bản thị Kinh thành nữ,
Gia tại Hà Mô lãng hạ trụ.
Thập tam học đắc tỳ bà thành,
Danh thuộc giáo phường đệ nhất bộ.
Khúc bãi thường giao thiện tài phục,
Trang thành mỗi bị Thu nương đổ.
Ngũ Lãng niên thiếu tranh triển đầu,
Nhất khúc hồng tiêu bất tri số.
Điền đầu ngân bễ kích tiết tuý,

Huyết sắc la quần phiến tửu ô.
Kim niên hoan tiếu phục lai niên,
Thu nguyệt xuân phong đẳng nhân độ.
Đệ tâu tông quân, át di tử,
Mộ khứ triêu lai nhan sắc cố.
Môn tiền lãnh lạc xa mã hy,
Lão đại giá tác thương nhân phụ.
Thương nhân trọng lợi, khinh biệt ly,
Tiền nguyệt Phù Lương mãi trà khứ.
Khứ lai giang khẩu thủ không thuyền,
Nhiều thuyền nguyệt minh giang thủy hàn.
Dạ lai hốt mộng thiếu niên sự,
Mộng đề trang lệ hồng lan can,
Ngã văn tỳ bà dĩ thán tức.
Hựu văn thử ngữ trùng tức tức,
Đồng thị thiên nhai luân lạc nhân,
Tương phùng hà tất tăng tương thức.
Ngã tông khứ niên từ Đế kinh,
Trích cư ngoạ bệnh Tầm Dương thành,
Tầm Dương địa tịch vô âm nhạc,
Chung tuế bất văn ti trúc thanh,
Trụ cận Bồn Trì địa để thấp,
Hoàng lô khổ trúc nhiều trạch sinh.
Kỳ gian đán mộ văn hà vật?
Đỗ quyên đề huyết viên ai minh.
Xuân giang hoa triêu thu nguyệt dạ,
Vãng vãng thủ tửu hoàn độc khuynh.
Khởi vô sơn ca dữ thôn địch,
Âu nha trù triết nan vi thính,
Kim dạ văn quân tì bà ngữ,
Như thính tiên nhạc nhĩ tạm minh.
Mạc từ cánh toạ đàn nhất khúc,
Vị quân phiến tác tì bà hành.
Cảm ngã thử ngôn lương cửu lập,
Khước toạ xúc huyền huyền chuyển cấp.
Thê thê bất tự hướng tiền thanh,
Mãn toạ văn chi giai yểm khắp.
Tự trung khắp hạ thủy tối đa?
Giang Châu tư mã thanh sam thấp.

Tì bà hành

Năm Nguyên Hoà thứ 10¹⁴, Bạch Cư Dị bị giáng làm quan tư mã Cửu Giang. Năm sau ông qua bến Tầm Dương, nửa đêm nghe tiếng tì bà trong một chiếc thuyền, hỏi ra thì là một ca nữ nổi danh ở Trảng An, nay tuổi đã già, sắc đã kém, làm vợ một lái buôn. Ông bèn bảo đặt rượu và gảy vài khúc. Gảy xong, người ấy buồn bã kể nỗi lòng. Ông cảm động, nghĩ tình cảnh của mình nay bị giáng trích, cũng không khác gì tình cảnh ả đó, nên làm bài *Trường hận ca* này để tặng nàng.

Trên bến Tầm Dương đêm tiền khách,

¹⁴ Tức năm 815. (Goldfish).

Hoa địch¹⁵, lá phong thu lách tách.
 Chủ nhân xuống ngựa, khách trong thuyền,
 Cát ly muốn nhậu, không quản huyên¹⁶,
 Say chẳng thành vui, buồn sắp biệt,
 Lúc biệt lờ mờ sông lấm nguyệt.
 Chợt nghe trên nước tiếng tì bà,
 Chủ quên về, khách cũng lân la.
 Theo tiếng hỏi thăm ai đó đàn,
 Tiếng đàn ngừng hẳn, nói khoan khoan.
 Xeo thuyền gần lại mới ra mặt,
 Khêu đèn, đặt rượu thêm tiêm tất;
 Ngàn kêu muôn gọi mời qua thuyền,
 Ôm chiếc tì bà che nửa mặt,
 Vận trục nhấn dây ít tiếng thôi,
 Chưa thành khúc điệu đã tình rồi,
 Dây đây đề nén ý trầm ngâm,
 Như tỏ bình sinh chữa xứng tâm.
 Cúi mày, tay gảy, tiếng tuôn tuôn,
 Kể hết trong lòng bao nỗi buồn.
 Nhẹ nhôm, khoan thai, hát lại khêu,
 Trước khúc Nghê Thường, sau Lục Yêu,
 Có lúc thì thâm như nói nhỏ,
 Có lúc ào ào như nước đổ.
 Ào ào, thì thâm xen lẫn đàn,
 Châu nhỏ, châu to rót ngọc bàn.
 Tiếng oanh riu riu dưới hoa, tron,
 Tiếng suối ngập ngừng, nước xuống ngàn,
 Thanh thót suối ngừng, dây ngờ đứt,
 Cách tuyệt không thông, đàn tạm dứt.
 Riêng có âu sầu ám hận sinh,
 Khi im tiếng hơn khi có tiếng,
 Bình bạc bẽ rồi, nước chảy tung.
 Ngựa sắt vung ra, thương chạm kiếm,
 Khúc rồi, cất bát¹⁷ vạch tim đòn,
 Xệt một tiếng, bốn dây lẳng lẳng,
 Ghe cộ đông tây chẳng một lời,
 Lòng sông chỉ thấy trăng thu trắng.
 Tàn ngần đem bát cấm trong dây,
 Sửa soạn áo xiêm trở gót giày,
 Tự xưng vốn thị gái Kinh thành,
 Nhà ở Hà Mô lẳng hạ đó,
 Đàn tì học giỏi mới mười ba.
 Tên thuộc giáo phường đệ nhất bộ¹⁸,
 Khúc hay thường được thiện tài¹⁹ khen,
 Đóng mốt²⁰, Thu nương²¹ thêm tạt đổ²².

¹⁵ Cây lao.

¹⁶ Đàn sáo.

¹⁷ Cái que để gảy đàn.

¹⁸ Số thứ nhất.

¹⁹ Thầy dạy âm nhạc.

²⁰ Trang điểm vào.

Ngũ Lãng²³ khách trẻ tranh triền đầu²⁴,
 Một khúc tiêu hồng²⁵ không biết số.
 Hoa vàng lược bạc bề luôn tay²⁶,
 Đỏ nhuộm quần là vì nhuộm ố,
 Năm nay cười giỡn lại sang năm,
 Thu nguyệt xuân phong quên mấy độ.
 Dì nuôi đã chết, em tòng quân,
 Sớm tối đổi thay nhan sắc cũ,
 Ngựa xe trước cửa vắng lơ thơ.
 Già lớn về tay người đại cô²⁷.
 Con buôn lợi trọng, biệt ly khinh,
 Tháng trước, Phù Lương²⁸ đi bán trà,
 Cửa sông đi lại giữ thuyền không.
 Quanh thuyền trắng rọi, nước mênh mông.
 Đêm khuya mộng thấy việc hồi trẻ,
 Mơ màng giọt lệ đỏ²⁹ lan can.
 Ta nghe đàn tì đã buồn bức,
 Lại nghe lời này càng bút rút.
 Cùng người luân lạc chốn thiên nhai,
 Gặp nhau hà tất từng tương thức.
 Ta từ năm trước xa Đế kinh,
 Giáng chức, đau nằm Tầm Dương thành,
 Tơ trúc trọn năm nghe vắng tiếng,
 Tầm Dương hẻo lánh thôi cũng đành.
 Bến Bồn đất thấp nhà gần đó,
 Trúc đắng lan vàng vẫn mọc quanh.
 Nghe những tiếng gì trong đêm tối?
 Tiếng quyên, tiếng vượn, tiếng buồn tênh.
 Gặp khi hoa nở, khi trăng sáng,
 Bầu rượu thường thường rót một mình.
 Sau thôn có sáo và ca khúc,
 Lãng lêu, khăn khăn khó gọi tình.
 Đêm nay nghe được tì bà khúc,
 Như nghe tiên nhạc, mở thông minh.
 Chớ từ, gảy lại cho lần nữa,
 Vì mình ta làm tì bà hành.
 Cảm lời nói ấy, đứng hơi lâu,
 Ngồi xuống vắn dây, dây thẳng gập.
 Đau thương khác hẳn điệu vừa nghe,
 Thử hỏi ai là người khóc nhiều?
 Giang Châu tư mã áo xanh ướt.
 (Vô danh dịch)

²¹ Tên người đàn bà đẹp đã có tuổi.

²² Ghen.

²³ Tên đất gần Kinh thành.

²⁴ Khăn đỏ: hồi xưa người ta dùng nó để thêu các nàng ca vũ.

²⁵ Khăn đỏ.

²⁶ Dùng những vật đó để gõ nhịp, lâu rồi bẽ hết.

²⁷ Người buôn bán lớn.

²⁸ Tên đất.

²⁹ Khóc mà nước mắt có máu nên đỏ cả lan can.

長恨歌

漢皇重色思傾國
御宇多年求不得
楊家有女初長成
養在深閨人未識
天生麗質難自棄
一朝選在君王側
回頭一笑百媚生
六宮粉黛無顏色
春寒賜浴華清池
溫泉水滑洗凝脂
侍兒扶起嬌無力
始是新承恩澤時
雲鬢花顏金步搖
芙蓉帳暖度春宵
春宵苦短日高起
從此君王不早朝
承歡侍宴無閒暇
春從春遊夜專夜
後宮佳麗三千人
三千寵愛在一身
金星妝成嬌侍夜
玉樓宴罷醉和春
姊妹弟兄皆列士
可憐光彩生門戶
遂令天下父母心
不重生男重生女
驪宮高處入青雲
仙樂風飄處處聞
緩歌慢舞凝絲竹
盡日君王看不足
漁陽鼙鼓動地來
驚破霓裳羽衣曲

九重城闕煙塵生
千乘萬騎西南行
翠華搖搖行復止
西出都門百餘里
六軍不發無奈何
宛轉蛾眉馬前死
花鈿委地無人收
翠翹金雀玉搔頭
君王掩面救不得
回看血淚相和流
黃埃散漫風蕭索
雲棧縈紆登劍閣
峨嵋山下少人行
旌旗無光日色薄
蜀江水碧蜀山青
聖主朝朝暮暮情
行宮見月傷心色
夜雨聞鈴腸斷聲
天旋地轉迴龍馭
到此躊躇不能去
馬嵬坡下泥土中
不見玉顏空死處
君臣相顧盡霑衣
東望都門信馬歸
歸來池苑皆依舊
太液芙蓉未央柳
芙蓉如面柳如眉
對此如何不淚垂
春風桃李花開日
秋雨梧桐葉落時
西宮南內多秋草
落葉滿階紅不掃
梨園子弟白髮新

椒房阿監青娥老
夕殿螢飛思悄然
孤燈挑盡未成眠
遲遲鐘鼓初長夜
耿耿星河欲曙天
鴛鴦瓦冷霜華重
翡翠衾寒誰與共
悠悠生死別經年
魂魄不曾來入夢
臨邛道士鴻都客
能以精誠致魂魄
爲感君王輾轉思
遂教方士殷勤覓
排空馭氣奔如電
升天入地求之遍
上窮碧落下黃泉
兩處茫茫皆不見
忽聞海上有仙山
山在虛無縹緲間
樓閣玲瓏五雲起
其中綽約多仙子
中有一人字太真
雪膚花貌參差是
金闕西廂叩玉扃
轉教小玉報雙成
聞道漢家天子使
九華帳裡夢魂驚
攬衣推枕起徘徊
珠箔銀屏迤邐開
雲鬢半偏新睡覺
花冠不整下堂來
風吹仙袂飄飄舉
猶似霓裳羽衣舞

玉容寂寞淚闌干
梨花一枝春帶雨
含情凝睇謝君王
一別音容兩渺茫
昭陽殿裡恩愛絕
蓬萊宮中日月長
回頭下望人寰處
不見長安見塵霧
唯將舊物表深情
鈿合金釵寄將去
釵留一股合一扇
釵擘黃金合分鈿
但教心似金鈿堅
天上人間會相見
臨別殷勤重寄詞
詞中有誓兩心知
七月七日長生殿
夜半無人私語時
在天願作比翼鳥
在地願爲連理枝
天長地久有時盡
此恨綿綿無絕期

Trường hận ca

Hán hoàng trọng sắc tư khuynh quốc,
Ngự vũ đa niên cầu bất đắc.
Dương gia hữu nữ sơ trưởng thành,
Dưỡng tại thâm khuê, nhân vị thức.
Thiên sinh lệ chất nan tự khí,
Nhất triều tuyển tại quân vương trắc.
Hồi đầu nhất tiếu bách mị sinh,
Lục cung phần đại vô nhan sắc,
Xuân hàn tứ dục Hoa Thanh trì,
Ôn tuyển thủy hoạt tảo ngưng chi.
Thị nhi phù khởi kiêu vô lực,
Thủy thị tân thừa ân trạch thì.
Vân mấn hoa nhan kim bộ đao,
Phù dung trưởng noãn độ xuân tiêu,
Xuân tiêu khổ đoản nhật cao khởi,
Tòng thử quân vương bất tảo triều,

Thừa hoan thị yến vô nhân hạ,
Xuân tòng xuân du dạ chuyển dạ.
Hậu cung giai lệ tam thiên nhân,
Tam thiên sủng ái tại nhất nhân,
Kim ốc trang thành kiều thị dạ,
Ngọc lâu yến bãi túy hoà xuân.
Tỷ muội huynh đệ giai liệt thổ,
Khả liên quang thái sinh môn hộ.
Toại linh thiên hạ phụ mẫu tâm,
Bất trọng sinh nam, trọng sinh nữ.
Ly cung cao xứ nhập thanh vân,
Tiên nhạc phong phiêu xứ xứ văn.
Hoãn ca mạn vũ ngưng ti trúc,
Tận nhật quân vương khan bất túc.
Ngư Dương bễ cổ động địa lai,
Kính phá Nghê Thường vũ y khúc.
Cửu trùng thành khuyết yên trần sinh,
Thiên thặng vạn ky tây nam hành.
Thuý hoa dao dao hành phục chỉ,
Tây xuất đô môn bách dư lý.
Lục quân bất phát vô nại hà,
Uyển chuyển nga mi mã tiền tử.
Hoa điền uỷ địa vô nhân thu,
Thuý kiều kim tước ngọc tao đầu.
Quân vương yểm diện cứu bất đắc,
Hồi khan huyết lệ tương hoà lưu.
Hoàng ai tán mạn phong tiêu tác,
Vân sạn oanh vu đăng Kiếm Các.
Nga Mi sơn hạ thiếu nhân hành,
Tinh kỳ vô quang, nhật sắc bạc,
Thục giang thuỷ bích, Thục sơn thanh,
Thánh chủ triều triều mộ mộ tình.
Hành cung kiến nguyệt thương tâm sắc,
Dạ vũ văn linh trường đoạn thanh,
Thiên toàn địa chuyển hồi long ngư.
Đáo thử trừ trừ bất nhẫn khứ,
Mã Ngôi pha hạ nê thổ trung.
Bất kiên ngọc nhan không tử xứ.
Quân thần tương cố tận triêm y,
Đồng vọng đô môn tín mã quy,
Quy lai trì uyển giai y cự.
Thái Dịch phù dung Vị Ương liễu.
Phù dung như diện, liễu như mi,
Đối thử như hà bất lệ thủy?
Xuân phong đào lý hoa khai nhật,
Thu vũ ngô đồng diệp lạc thì.
Tây cung nam nội đa thu thảo,
Lạc diệp mãn giai hồng bất tảo,
Lê viên tử đệ bạch phát tân,
Tiêu phòng át giám thanh nga lão.
Tịch điện huynh phi tứ tiểu nhiên,

Cô đăng khiêu tận vị thành miên.
 Trì trì chung cổ sơ trường dạ,
 Cảnh cảnh tinh hà dục thụ thiên.
 Uyên ương ngoã lãnh sương hoa trọng,
 Phỉ thủy khâm hàn thủy dữ cộng.
 Du du sinh tử biệt kinh niên,
 Hồn phách bất tăng lai nhập mộng.
 Lâm Cùng đạo sĩ Hồng Đô khách,
 Năng dĩ tinh thành trí hồn phách.
 Vị cảm quân vương triển chuyển tư,
 Toại giao phương sĩ ân cần mịch,
 Bài không ngự khí bồn như điện
 Thăng thiên nhập địa cầu chi biến.
 Thượng cùng bích lạc hạ hoàng tuyền,
 Lưỡng xứ mang mang giai bất kiến.
 Hốt vắn hải thượng hữu tiên san,
 San tại hư vô phiêu diêu gian.
 Lâu các linh lung ngũ vân khởi,
 Kỳ trung xước ước đa tiên tử.
 Trung hữu nhất nhân tự Thái Chân,
 Tuyết phu hoa mạo sâm si thị,
 Kim khuyết tây sương khẩu ngọc quỳnh.
 Chuyển giao Tiểu Ngọc báo Song Thành,
 Văn đạo Hán gia thiên tử sử,
 Cửu hoa trưởng lý mộng hồn kinh.
 Lãm y thôi chắm khởi bồi hồi,
 Châu bạc ngân bình dĩ lý khai.
 Vân kháo³⁰ bán thiên tân thủy giác,
 Hoa quan bất chỉnh hạ đường lai.
 Phong xuy tiên duệ phiêu phiêu cử;
 Do tự Nghê Thường vũ y vũ.
 Ngọc dung tịch mịch lệ lan can,
 Lê hoa nhất chi xuân đài vũ.
 Hàm tình ngưng thế tạ quân vương,
 Nhất biệt âm dung lưỡng diêu mang.
 Chiêu Dương điện lý ân ái tuyệt,
 Bồng Lai cung trung nhật nguyệt trường.
 Hồi đầu hạ vọng nhân hoàn xứ,
 Bất kiến Trường An, kiến trần vụ.
 Duy tương cự vật biểu thâm tình,
 Điền hạp kim thoa ký tương khứ,
 Thoa lưu nhất cổ hợp nhất phiến.
 Thoa bích hoàng kim hợp phân điển³¹.
 Dẫn giao tâm tự kim điển kiên,
 Thiên thượng nhân gian hội tương kiến.
 Lâm biệt ân cần trung ký từ,
 Từ trung hữu thế lưỡng tâm tri.

³⁰ “Kháo”: Chữ 髻, *Thiều Chừ* đọc là “kế” hoặc “kết” nghĩa là cái búi tóc.

³¹ Chữ 鈿 đọc là *diền* hay *diển* đều được. Ở đây phải đọc là *diển* cho có vần.

Thất nguyệt thất nhật Trường Sinh điện,
Dạ bán vô nhân tư ngũ thời,
Tại thiên nguyên tác tị dục điều,
Tại địa nguyên vi liên lý chi.
Thiên trường địa cử hữu thời tận,
Thử hận miên miên vô tuyệt kỳ!

Trường hận ca

Vua Minh Hoàng mê Dương Quý Phi. Khi An Lộc Sơn khởi loạn, vua bỏ kinh đô là Trường An mà chạy vào Ba Thục; đến Mã Ngôi, tướng sĩ đó mệt, đều tức cho rằng vì Quý Phi mà có loạn, xin giết nàng. Vua phải theo ý tướng sĩ, sai đem thất cổ Quý Phi. Sau thu phục được kinh đô, Minh Hoàng nhớ nàng vô cùng. Bạch Cư Dị viết bài ca này chép lại chuyện đó.

*Vua Hán trọng yêu người sắc nước,
Thống trị lâu năm chẳng tìm được.
Họ Dương có gái vừa lớn lên,
Kín cổng cao tường, ai biết trước.
Trời cho sắc đẹp bỏ không đành,
Một sớm vua ban đứng cạnh mình.
Một nụ cười, trăm vẻ đẹp xinh,
Sáu cung son phấn cũng coi khinh.
Suối ấm tắm rồi, xuân hết lạnh,
Nước trơn da láng trắng phau phau.
Con hầu nâng đỡ thân mềm yếu,
Ơn huệ nhà vua nhớ lúc đầu.
Mái tóc mây gài kim bộ dao³²,
Đêm xuân giấc mộng ngắn làm sao!
Mền ấm gần trưa vừa mới dậy,
Từ đó nhà vua chẳng sớm chiều.
Trò vui tiệc yến cứ bày thêm,
Nói gót chơi xuân đêm lại đêm.
Cung cấm ba nghìn khách má đào,
Ba nghìn yêu dấu một mình bao!
Nhà vàng sẵn đó đêm châu chực,
Lầu ngọc xuân hoà hứng rượu cao.
Anh chị em đều chia tước thố³³,
Vẻ sang khá yêu đầy cửa ngõ;
Xui lòng cha mẹ khắp trần gian,
Chẳng trọng sinh trai, trọng sinh gái.
Cung Ly³⁴ cao ngất dựng mây xanh,
Tiên nhạc gió đưa khắp thị thành;
Khoan thai tơ trúc và ca vũ,
Coi hết ngày đêm còn chưa đủ.
Ngư Dương³⁵ trống trận động trời đất,
Nghê Thường vũ y³⁶ tan đi mất,
Thành khuyết³⁷ chín lần khói bụi ngát.*

³² Đồ trang sức để gài đầu.

³³ Anh nàng Quý Phi được phong quận công, ba chị em gái đều được phong phu nhân.

³⁴ Cung ở Ly Sơn, chỗ cất cung A Phòng đời Tần.

³⁵ Chỗ An Lộc Sơn nổi loạn.

³⁶ Là khúc nhạc tiên Minh Hoàng thường chơi. Nàng Quý Phi vừa múa vừa hát theo điệu nhạc.

Muôn ngựa tây nam đi lạt đật.
 Cờ thủy lay lay đi lại ngừng,
 Mới hơn ngàn dặm, đứng lưng chừng.
 Sáu quân chẳng tiến, biết làm sao?
 Quần quai mây ngai chết nghẹn ngào.
 Hoa điền³⁸ rớt đất không ai thâu,
 Bỏ bao của quý chất trên đầu.
 Nhà vua che mặt không phương cứu,
 Màu lệ tràn hoà chảy mạch sầu.
 Bụi vàng mờ mịt gió xơ xác,
 Đường sạn³⁹ quanh co lên Kiếm Các⁴⁰.
 Nga Mi chân núi ít ai đi,
 Cờ xí phai màu trời sáng nhạt.
 Nước sông Thục biếc, núi Thục xanh,
 Thánh chúa khuya khuya sớm sớm tình.
 Cung quán thương tâm vừa thấy nguyệt,
 Đêm mưa đứt ruột lại nghe linh⁴¹.
 Trời quay đất chuyển ngựa Rồng⁴² về,
 Tới đó trừ trừ chẳng nở đi.
 Nắm đất Mã Ngôi còn chỗ đó,
 Buồn rầu mặt ngọc thấy đâu kia,
 Vua tôi cùng ngó, lệ đầm đìa,
 Đông hướng đô môn⁴³ mặc ngựa về.
 Lúc về phong cảnh đều y cũ,
 Thái Dịch phù dung, Vị Ương liễu.
 Phù dung như mặt, liễu như mây,
 Đối cảnh ai mà chẳng thảm thay!
 Đào, lý gió xuân hoa rục rờ,
 Thu, lá ngô rụng, hạt mưa bay.
 Tây cung Nam Nội⁴⁴ cỏ thu rờm,
 Lá rụng đầy thêm, sắc đỏ lờm.
 Đệ tử vườn lê sinh tóc trắng,
 Tiêu phòng hầu cận muốn già khom
 Lửa huỳnh⁴⁵ nhấp nhoáng điện buồn tanh,
 Khêu hết đèn tàn, giấc chữa đành.
 Chuông trống đề đề đêm khó hết,
 Tinh hà⁴⁶ chớp chớp muốn tan canh,
 Tám ngói uyên ương⁴⁷ tối lạnh lòng.
 Riêng mền phỉ thủy⁴⁸ có ai chung,
 Cách năm sinh tử buồn dằng dặc,

³⁷ Cửa cung.

³⁸ Điền là đồ trang sức ở trên đầu.

³⁹ Đường bắt cầu qua núi.

⁴⁰ Kiếm Các là đường thang bắc ngang trên trái núi Kiếm Sơn, thế rất nguy hiểm.

⁴¹ Một nhạc khí như cái chiêng.

⁴² Xe vua.

⁴³ Cửa kinh đô.

⁴⁴ Tên một cung điện.

⁴⁵ Là đom đóm.

⁴⁶ Là sao và Ngân Hà.

⁴⁷ Thứ ngói úp, viên nọ úp lên viên kia.

⁴⁸ Lông chim chả.

Hồn phách đi đâu, mộng chẳng thông?
 Lâm Cung⁴⁹ đạo sĩ khách tu tiên,
 Hay lấy tinh thành thấu cõi huyền.
 Cảnh cảnh quân vương thương nhớ quá,
 Khiến cho phương sĩ⁵⁰ phải cần quyền⁵¹.
 Cười khi, xô không⁵² như điện chạy,
 Xuống đất lên trời mau biết mấy!
 Trên cùng mây biếc, dưới hoàng tuyền,
 Hai chỗ mờ mờ đều chẳng thấy.
 Chợt nghe trên bể có tiên san⁵³,
 Phiếu diều hư vô một cảnh nhàn.
 Lầu gác lung linh mây rực rỡ.
 Yêu kiều tiên nữ thường hay ở,
 Trong có một người tự Thái Chân⁵⁴.
 Da tuyết mặt hoa coi tựa tựa.
 Khuyết vàng cửa ngọc gõ thanh thanh,
 Nhờ cô Tiểu Ngọc bảo Song Thành⁵⁵.
 Vừa nghe có sứ vua nhà Hán,
 Trong trướng cửu hoa⁵⁶ đã giết mình.
 Bình bạc rèm châu mở rõ ràng,
 Chênh chếch mái⁵⁷ mây vừa ngủ dậy,
 Mũ hoa chưa sửa xuống thêm đường⁵⁸.
 Áo tiên phơi phới gió đưa đi,
 Giống hệt Nghê Thường múa trước kia,
 Vẻ ngọc buồn buồn tràn nước mắt,
 Ngày xuân mưa trấu một cảnh lê.
 Ngậm tình lặng ngó tạ ơn đây,
 Một cách âm dương, vắng cả hai.
 Ân ái Chiêu Dương đành dứt tuyệt,
 Tháng ngày dài quá, chốn Bồng Lai.
 Ngoảnh đầu nhìn xuống cõi trần hoàn,
 Chẳng thấy Tràn An, thấy bụi đầy.
 Phải đem vật cũ nêu tình hận,
 Điền hạp⁵⁹ kim thoa của báu này.
 Cửa chia phân nửa, lưu phân nửa,
 Thấy cửa nhớ người cũng tạm khuây.
 Chỉ cần lòng tựa vàng bền cứng,
 Hạ giới, tiên cung gặp có ngày.
 Giả từ khăn khoản nhắc thêm lời,
 Trong lời thề thốt, hai lòng biết.
 Nhớ đêm khát xảo⁶⁰ điện Tràn Sinh,

⁴⁹ Là nơi có người đạo sĩ ở.

⁵⁰ Là người theo thuật phù thủy, phụ tiên...

⁵¹ Là khăn thiết.

⁵² Là cười gió, xô không khí.

⁵³ Là núi tiên.

⁵⁴ Tên tự Dương Quý Phi.

⁵⁵ Tiểu Ngọc, Song Thành là hai tên người gái tiên.

⁵⁶ Có nhiều hoa.

⁵⁷ Mái tóc.

⁵⁸ Đường ra sân.

⁵⁹ Hạp là cái hộp. Điền là đồ trang sức trên đầu.

Nói nhỏ bên tai lời chí thiết:
Ở trên nguyện làm chim sát cánh,
Ở dưới nguyện làm cây liền cánh.
Trời đất lâu dài có lúc hết,
Bao giờ dứt được sợi tơ tình.
(Vô danh dịch)

*

* *

Ngoài những tác phẩm của Bạch Cư Dị mà tôi đã chép ở trên, trong *Đại cương văn học sử Trung Quốc*, chương XI: Nhạc phủ và từ đời Đường, tiết *Các từ gia đời Đường*⁶¹, cụ Nguyễn Hiến Lê còn chép bài từ *Úc Giang Nam* (trang 485-486) dưới đây:

憶江南

江南好

風景舊曾諳

日出江花紅勝火

春來江水綠如藍

能不憶江南

Úc Giang Nam

Giang Nam hảo,
Phong cảnh cựu từng am.
Nhật xuất, giang hoa hồng thắng hoả,
Xuân lai, giang thủy lục như lam,
Năng bất ức Giang Nam?

Nhớ Giang Nam

Giang Nam đẹp,
Phong cảnh cũ từng ham.
Trời mọc, hoa sông hồng quá lửa,
Xuân về, dòng nước biếc như chàm,
Ai chẳng nhớ Giang Nam?

⁶⁰ Đêm mừng 7 tháng 7, Chức Nữ gặp Ngưu Lang. Người Trung Hoa đêm đó bày hoa quả cúng Chức Nữ để Chức Nữ ban cho được khéo tay.

⁶¹ *Từ gia* là người viết từ. Đừng lầm thể từ này 詞 với thể từ 辭 của nước Sở đời Chiến Quốc và Tần Hán. Sở từ là những bài dài, câu đối nhau, có vần hay không, còn từ 詞 là một thể thơ mới xuất hiện thời Thịnh Đường, thường ngắn, cốt để ca và diễn tính cảm.

